

Bản án số: 71/2022/DS - PT.
Ngày 14 tháng 12 năm 2022
“V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Tiên Dũng;

Các Thẩm phán: Bà Điều Thị Bích Lượ

Ông Nguyễn Quang Vũ

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Bùi Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 72/2022/TLPT - DS ngày 01 tháng 11 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 19 /2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T S, tỉnh Phú Thọ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90 /2022/QĐPT- DS ngày 02 tháng 12 năm 2022 Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Trọng C**, sinh năm 1962.

Địa chỉ: P2, tầng 1, H5, tập thể N, phố H, quận H B T, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Bà **Phạm Thị S**, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Khu Kim Thịnh, xã C Đ, huyện T S, tỉnh Phú Thọ.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1960.

Địa chỉ: SN 117 H5, tập thể N, phố H, quận H B T, thành phố Hà Nội.

2. Bà **Nguyễn Bích C**, sinh năm 1964.

Địa chỉ: SN 1031A, Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

3. Ông **Nguyễn Trọng H**, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Tô 16, phường Lĩnh Nam, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

(Các đương sự đều mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm ông Nguyễn Trọng C trình bày quan điểm như sau:

Bố đẻ Ông C là ông Nguyễn Trọng C, SN 1937, nơi ĐKKHKT tại P2 tầng 1, H5 TT N, phố H, quận H B T, TP Hà Nội. Bố mẹ ông là ông Nguyễn Trọng C và bà Nguyễn Thị Ngọc, đến năm 2007 thì mẹ ông mất. Bố mẹ ông sinh được 04 người con gồm: Nguyễn Thị T, Nguyễn Trọng C, Nguyễn Bích Trung, Nguyễn

Trọng H. Bố mẹ ông không có con nuôi hay con riêng gì. Do có tuổi, muốn về quê sinh sống nên năm 2013 anh chị em trong gia đình ông đã mua đất làm nhà cho Ông C ở tại Khu Kim Thịnh, xã C Đ, huyện T S, tỉnh Phú Thọ. Thửa đất số 30, tờ bản đồ 24 diện tích 1012m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL091977 ngày 20/5/2013 đứng tên ông Nguyễn Trọng C. Sau khi mua anh em Ông C đã xây nhà trên đất cho Ông C sinh sống. Từ khi Ông C lên sống tại xã C Đ thì anh chị em ông đã thuê một số người giúp việc đến để dọn dẹp và chăm sóc cho bố ông. Bà S là người giúp việc do các anh chị em nhà ông thuê để chăm sóc bố ông, mỗi tháng các anh em đóng góp trả cho Bà S 3.000.000đ, không có việc Bà S chung sống với bố ông như Bà S nói. Đến ngày 02/01/2021 Ông C mất không để lại di chúc. Sau khi mai táng cho bố ông xong một thời gian thì anh em ông về xã C Đ để xem xét lại ngôi nhà và tài sản trên đất thì biết được bà Phạm Thị S, trú tại Khu kim Thịnh, xã C Đ là người giúp việc cho bố ông đang sử dụng. Anh em Ông C đã yêu cầu Bà S giao lại nhà đất cho gia đình ông nhưng Bà S không nghe và khẳng định bố ông là ông Nguyễn Trọng C đã để lại di chúc và để lại toàn bộ tài sản là nhà đất nói trên cho Bà S theo bản di chúc ngày 10/9/2018. Nay Ông C cho rằng bản di chúc trên là trái pháp luật vì các thông tin trong bản di chúc là không đúng như nơi đăng ký thường trú, số CMND của Ông C và bản di chúc không có chữ ký ở từng trang, không có người làm chứng ký vào biên bản. Do vậy ông đề nghị TAND huyện T S giải quyết hủy bản di chúc ngày 10/9/2018 do Bà S cung cấp và buộc bà Phạm Thị S phải trả lại cho gia đình Ông C thửa đất và ngôi nhà trên đất mà Ông C để lại.

Trong bản tự khai, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm bà Phạm Thị S trình bày:

Cuối năm 2011, ông Nguyễn Trọng C từ Hà Nội về sinh sống tại Xóm K T, xã C Đ, huyện T S, tỉnh Phú Thọ. Khi mới về Cự Đòng, Ông C có đưa một người khác về chăm sóc nhưng do có mâu thuẫn, lấy trộm tiền nên Ông C đã đuổi người phụ nữ đó. Sau đó giữa Bà S và Ông C phát sinh tình cảm nên Bà S về chung sống cùng Ông C tại ngôi nhà của Ông C ở Xóm K T. Ông Bà C sống với nhau như vợ chồng nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã vì tuổi đã cao mà chỉ làm mấy mâm cơm mời những người thân quen, hàng xóm xung quanh. Trong quá trình chung sống cùng nhau ông bà không có mâu thuẫn gì, bà chăm sóc ông vì ông tuổi cao, các con cháu hai bên không ai có ý kiến gì. Các con Ông C vẫn thỉnh thoảng lên chơi và nhờ bà chăm sóc Ông C. Bà S khẳng định và không phải là người giúp việc của Ông C. Trong thời gian bà ở cùng Ông C thì Ông C là người đưa tiền cho bà để trang trải cuộc sống. Khi Ông C ốm yếu thì các con ông mới đưa cho bà tiền để mua đồ sinh hoạt cho ông bà. Đến ngày 10/9/2018 thì bà và Ông C ra UBND xã C Đ để làm thủ tục lập di chúc với nội dung ông Nguyễn Trọng C để lại cho Bà S được hưởng toàn bộ tài sản gồm đất và nhà ở của Ông C tại Xóm K T, xã C Đ, huyện T S (cụ thể trong di chúc). Khi lập di chúc ông bà đều có mặt tại UBND xã C Đ và có sự chứng kiến của ông Đinh Công Sự - cán bộ tư pháp xã và có ông Hà Văn Hải – Phó chủ tịch UBND xã C Đ ký xác nhận. Thời điểm đó Ông C vẫn khỏe mạnh, không ốm đau gì. Việc lập di chúc tại UBND xã, có mặt đại diện xã nên không có người làm chứng. Đối với nơi đăng ký thường trú ghi tại xã C Đ vì Ông C sinh sống tại xã C Đ từ năm 2011 nên ghi

nơi Ông C ở. Đến khoảng tháng 8 năm 2019 thì Ông C ốm, sức khỏe không tốt nên Bà S đã gọi các con Ông C lên. Các con ông cho ông đi bệnh viện Bạch Mai ở Hà Nội để điều trị, sau đó chuyển sang bệnh viện Y học cổ truyền. Trong thời gian đó Bà S đi chăm sóc ông tại bệnh viện, giữa bà và các con Ông C vẫn không có mâu thuẫn gì. Khi Ông C khỏe lại thì có ở chơi nhà các con 1 tuần xong hai ông bà lại trở về xã C Đ tiếp tục sinh sống, chăm sóc nhau. Sau đó thỉnh thoảng ông ốm thì bà vẫn chăm sóc, tháng 9/2020 thì Ông C bị liệt không đi lại được, Bà S vẫn chăm sóc ông, được khoảng 1 tháng sau thì các con ông lên đón về Hà Nội chăm sóc. Đến tháng 12/2020 (âm lịch) thì Ông C mất, bà có xuống Hà Nội tham dự đám tang, còn việc lo tang lễ là do các con Ông C làm. Bà S vẫn lo các ngày lễ, ngày giỗ cho Ông C. Sau khi Ông C mất, các con Ông C có nói chuyện về việc bà cho anh Phạm Trọng Cường một phần đất, Bà S cũng nhất trí nhưng họ lại muốn lấy một nửa phần đất nên bà không đồng ý, bà chỉ đồng ý cho 15m nên các con Ông C đòi lại toàn bộ và có đơn khởi kiện Bà S. UBND xã đã tiến hành hòa giải nhưng không thành. Nay anh Cường yêu cầu hủy di chúc của Ông C để lại Bà S không nhất trí và đề nghị TAND huyện T S giải quyết theo di chúc Ông C để lại. Từ khi Ông C mất đến nay nhà đất Ông C để lại Bà S vẫn đang quản lý, trông nom.

Quan điểm của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - Bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Bích C và ông Nguyễn Trọng H là các con đẻ của ông Nguyễn Trọng C đều thống nhất trình bày quan điểm như sau:

Ông Nguyễn Trọng C, SN 1937, nơi ĐKKHKT tại P2 tầng 1, H5 TT Nguyễn Công Trứ, phố Huế, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội có vợ là bà Nguyễn Thị Ngọc (Bà Ngọc đã chết năm 2007) sinh được 04 người con là Nguyễn Thị T, Nguyễn Trọng C, Nguyễn Bích C và Nguyễn Trọng H. Do có tuổi sống một mình nên Ông C mong muốn được về quê sống cùng con cháu nên năm 2012 anh chị em trong gia đình đã góp tiền mua đất làm nhà cho Ông C ở tại Khu Kim Thịnh, xã C Đ, huyện T S, tỉnh Phú Thọ. Thửa đất số 30, tờ bản đồ 24 diện tích 1012m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 20/5/2013 đứng tên ông Nguyễn Trọng C. Sau khi mua anh em Ông C đã xây nhà trên đất cho Ông C sinh sống. Trong quá trình sinh sống tại xã C Đ do không có con cháu bên cạnh chăm sóc nên các con của Ông C đã thuê người đến làm giúp việc chăm sóc Ông C trong đó có bà Phạm Thị S. Đến năm 2020 Ông C ốm nặng các con của Ông C đã đưa ông về Hà Nội chăm sóc và điều trị. Đến ngày 02/01/2021 thì Ông C mất và mai táng tại Hà Nội. Sau khi mai táng cho bố ông xong một thời gian do dịch bệnh nên các con của Ông C chưa về Cự Đồng ngay được. Đến đầu năm 2022 thì các con Ông C mới về Cự Đồng để xem xét lại ngôi nhà và tài sản trên đất thì biết được bà Phạm Thị S, trú tại Khu kim Thịnh, xã C Đ là người giúp việc cho Ông C đang sử dụng tài sản là nhà và đất của Ông C. Các ông bà đã yêu cầu Bà S giao lại nhà đất cho gia đình ông nhưng Bà S không nghe và khẳng định bố ông là ông Nguyễn Trọng C đã để lại di chúc và để lại toàn bộ tài sản là nhà đất nói trên cho Bà S theo bản di chúc ngày 10/9/2018. Nay các ông bà đều nhất trí với quan điểm của Ông C đề nghị TAND huyện T S giải quyết hủy bản di chúc ngày 10/9/2018 do Bà S cung cấp và buộc bà Phạm Thị S phải trả lại cho gia đình các ông bà và

giao cho Ông C thừa đất và ngôi nhà trên đất mà Ông C để lại để Ông C thay mặt gia đình quản lý.

* Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T S, tỉnh Phú Thọ đã quyết định:

Căn cứ Điều 617, Điều 618, Điều 627, Điều 630, Điều 631, Điều 633, Điều 634, Điều 636 - Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm đ Khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng C.

Tuyên bố bản di chúc lập ngày 10/9/2018 của ông Nguyễn Trọng C có nội dung để cho bà Phạm Thị S được hưởng khối tài sản gồm nhà cấp 4 hai tầng 80m² và thửa đất số 30, tờ bản đồ số 24 thuộc khu Kim Thịnh, xã C Đ, huyện T S, tỉnh Phú Thọ có diện tích 1012,0m² (đất ở 400m², đất lâu năm khác 612m²) bìa số BL 091.977 là vô hiệu.

Buộc bà Phạm Thị S phải trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL091977 ngày 20/5/2013 đứng tên ông Nguyễn Trọng C và tài sản của Ông C gồm: 01 ngôi nhà cấp 4 rộng 80m², 02 tầng và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 30, tờ bản đồ 24 diện tích 1012m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL091977 ngày 20/5/2013 đứng tên ông Nguyễn Trọng C cho ông Nguyễn Trọng C quản lý.

2. Ông Nguyễn Trọng C phải thanh toán tiền bảo quản di sản cho bà Phạm Thị S số tiền 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí và các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

Kháng cáo: Ngày 12/10/2022, bà Phạm Thị S kháng cáo toàn bộ bản án và đề nghị: Không chấp nhận toàn bộ quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số: 19 /2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T S, tỉnh Phú Thọ .

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, Bà bà Phạm Thị S vẫn giữ yêu cầu kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa có quan điểm về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa khi giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, kháng cáo đúng hạn luật định. Hội đồng xét xử đã xét xử đúng nguyên tắc, các bên đương sự đều thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị S.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 19/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện T S.

Bà Phạm Thị S được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân tỉnh Phú Thọ; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Kháng cáo của và bà Phạm Thị S nộp trong hạn luật định, nên được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Phạm Thị S Hội đồng xét xử nhận định.

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Trọng C thấy rằng: Ông Nguyễn Trọng C và bà Nguyễn Thị Ngọc (Bà Ngọc đã chết năm 2007) sinh được 04 người con là Nguyễn Thị T, Nguyễn Trọng C, Nguyễn Bích C và Nguyễn Trọng H. Ông C đã chết ngày 02/01/2021.

Ông C, Bà T, Bà C, Ông H là các con đẻ của Ông C đều khẳng định khi Ông C ốm nặng các con có đón Ông C về Hà Nội chăm sóc, sau đó Ông C chết tại Hà Nội, trước khi chết Ông C không để lại di chúc.

Bà Phạm Thị S chung sống với Ông C nhưng không có đăng ký kết hôn với Ông C. Theo các con Ông C thì Bà S được các con của Ông C thuê đến giúp việc nhà chăm sóc Ông C lúc Ông C sống ở quê là Xóm K T, xã C Đ. Như vậy quan hệ của Bà S và Ông C không phải là quan hệ hôn nhân hợp pháp, không được pháp luật công nhận.

[2.2] Đối với bản di chúc do bà Phạm Thị S cung cấp có nội dung ghi ngày 10/9/2018 ông Nguyễn Trọng C để lại cho Bà S được hưởng toàn bộ tài sản gồm đất và nhà ở của Ông C tại Xóm K T, xã C Đ, huyện T S. HĐXX thấy rằng:

Thửa đất số 30 tờ bản đồ 24 thuộc khu Kim Thịnh, xã C Đ, huyện T S, tỉnh Phú Thọ diện tích 1012m² (Đất ở 400m², đất lâu năm khác 612m²) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 091977 và nhà ở trên đất sau khi ông Nguyễn Trọng C chết, khối tài sản trên để lại cho bà Phạm Thị S:

Di chúc này gồm hai trang, có một phần đánh máy, một phần là viết tay. Đây là di chúc bằng văn bản.

Đây không phải là di chúc bằng văn bản không có người làm chứng theo đúng quy định tại Điều 633 Bộ luật dân sự 2015 bởi lẽ: Di chúc bằng văn bản không có người làm chứng thì di chúc này phải do người lập di chúc tự viết và ký vào bản di chúc đồng thời phải tuân thủ quy định tại Điều 631 Bộ luật dân sự 2015. Tuy nhiên, bản di chúc gồm hai trang nhưng không ghi số thứ tự. Tại trang 2 có chữ kí, chữ viết của người lập di chúc là ông Nguyễn Trọng C tuy nhiên tại trang 1 không có chữ kí hoặc điểm chỉ của người lập di chúc. Như vậy, nội dung di chúc không đúng quy định tại khoản 2 Điều 631 Bộ luật dân sự 2015.

Đây không phải là di chúc bằng văn bản có người làm chứng theo đúng quy định tại Điều 634 Bộ luật dân sự 2015 bởi lẽ: Ông C là người lập di chúc, Ông C không tự mình viết bản di chúc thì có thể đánh máy hoặc nhờ người khác đánh máy hoặc nhờ người khác viết hoặc đánh máy bản di chúc nhưng phải có ít

nhất hai người làm chứng theo quy định tại Điều 634 Bộ luật dân sự 2015. Tuy nhiên, bản di chúc ngày 10/9/2018 của Ông C vừa đánh máy vừa có chữ viết tay và không có ít nhất hai người làm chứng theo quy định của pháp luật.

Đây không phải là di chúc có công chứng hoặc chứng thực theo đúng quy định tại Điều 635, 636 Bộ luật dân sự 2015 bởi lẽ:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định 23/2015/NĐ-CP của Chính phủ thì Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện ký chứng thực di chúc và đóng dấu của Ủy ban nhân dân cấp xã. Di chúc ngày 10/9/2018 ông Nguyễn Trọng C có một phần đánh máy và một phần viết tay.

Theo quy định tại Điều 636 Bộ luật dân sự 2015 thì người lập di chúc tuyên bố nội dung di chúc trước người có thẩm quyền chứng thực của UBND xã; người có thẩm quyền chứng thực của UBND xã phải ghi chép lại nội dung mà người lập di chúc đã tuyên bố; người lập di chúc ký hoặc điểm chỉ vào bản di chúc sau khi xác nhận bản di chúc đã được ghi chép chính xác và thể hiện đúng ý chí của mình; người có thẩm quyền chứng thực của UBND xã ký vào bản di chúc.

Bà Phạm Thị S trình bày hôm đó bà và Ông C có đến UBND xã C Đ và cán bộ tư pháp xã là ông Đinh Công Sự đã soạn thảo giúp nội dung bản di chúc trên cơ sở ý nguyện của Ông C, sau đó đại diện UBND xã do ông Hà Văn Hải ký xác nhận. Chữ viết trong di chúc là cháu Bà S viết.

Theo biên bản xác minh ngày 05/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện T S, ông Hà Văn Hải - Phó chủ tịch UBND xã trình bày: Ngày 10/9/2018 cán bộ tư pháp xã là ông Đinh Công Sự có tham mưu cho ông về trường hợp Ông C và Bà S đề nghị chứng thực vào di chúc của Ông C. Sau khi kiểm tra sự có mặt và tự nguyện của các đương sự, ông Hải có yêu cầu ông Sự kiểm tra lại nội dung di chúc và làm thủ tục cho công dân. Sau khi ông Sự làm việc trực tiếp với Ông C và Bà S có trình ký một bản di chúc để ông Hải đại diện UBND xã ký xác nhận. Sau khi kiểm tra nội dung bản di chúc thấy có việc ghi người lập di chúc phải điểm chỉ vào bản di chúc, ông Hải đã nhắc nhở ông Sự phải hoàn thiện nội dung này sau đó ông Hải ký xác nhận vào bản di chúc.

Theo biên bản xác minh ngày 29/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện T S thể hiện: Khi kiểm tra đối với trường hợp chứng thực di chúc của Ông C hiện nay tại UBND xã C Đ không có sổ theo dõi và không còn lưu trữ hồ sơ gì về việc chứng thực di chúc cho Ông C.

Như vậy, theo trình bày của bà Phạm Thị S và xác minh tại UBND xã thể hiện ông Đinh Công Sự (Đã chết năm 2020) - Cán bộ tư pháp - Là người trực tiếp làm việc với Ông C về việc lập di chúc ngày 10/9/2018 nhưng trong di chúc không thể hiện về việc ông Sự có ký xác nhận là người làm chứng. Theo trình bày của Bà S tại phiên tòa sơ thẩm ngày 30/9/2022 Bà S trình bày cháu Bà S viết hộ các nội dung trong di chúc xong về trước (Bút lục 109). Theo quy định của pháp luật thì Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện ký chứng thực di chúc và đóng dấu của Ủy ban nhân dân cấp xã tuy nhiên đối với di chúc của Ông C thì ông Hà Văn Hải - Phó chủ tịch UBND xã không phải là người được nghe Ông C tuyên bố nội dung di chúc, ghi chép lại nội dung. Không những thế việc chứng thực di chúc của Ông C không lưu trong sổ chứng thực và không có sổ chứng thực theo quy định tại Điều 13 Nghị định 23/2015/NĐ-CP của Chính

phủ. Ông Sự đã chết nên không làm rõ được về nội dung chứng thực này.

Như vậy, tòa án cấp sơ thẩm quyết định di chúc lập ngày 10/9/2018 của ông Nguyễn Trọng C là vô hiệu và buộc bà Phạm Thị S phải trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL091977 ngày 20/5/2013 đứng tên ông Nguyễn Trọng C và tài sản của Ông C cho ông Nguyễn Trọng C quản lý là có căn cứ, đúng pháp luật nên kháng cáo của Bà S không có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Theo xác minh tại UBND xã và lời khai của các đương sự xác định: Kể từ thời điểm Ông C chết là tháng 01/2021 Bà S là người trực tiếp quản lý tài sản Ông C để lại là nhà đất tại khu Kim Thịnh, xã C Đ, huyện T S, tỉnh Phú Thọ. Theo quy định tại các Điều 616, 617, 618 thì Bà S được thanh toán chi phí bảo quản di sản. Do vậy HĐXX xét thấy những người thừa kế của Ông C, đại diện là anh Nguyễn Trọng C có trách nhiệm thanh toán cho Bà S chi phí bảo quản di sản là phù hợp. Bà S bảo quản di sản từ tháng 1/2021 đến tháng 9/2022 là 20 tháng.

[2.4]. Về chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng pháp luật nên cần giữ nguyên.

[2.6]. Về án phí dân sự phúc thẩm. Do bà Phạm Thị S là người cao tuổi cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

[3] Đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị S.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T S, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ Điều 617, Điều 618, Điều 627, Điều 630, Điều 631, Điều 633, Điều 634, Điều 636 - Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm đ Khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng C.

Tuyên bố bản di chúc lập ngày 10/9/2018 của ông Nguyễn Trọng C có nội dung để cho bà Phạm Thị S được hưởng khối tài sản gồm nhà cấp 4 hai tầng 80m² và thửa đất số 30, tờ bản đồ số 24 thuộc khu Kim Thịnh, xã C Đ, huyện T S, tỉnh Phú Thọ có diện tích 1012,0m² (đất ở 400m², đất lâu năm khác 612m²) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 091.977 là vô hiệu.

Buộc bà Phạm Thị S phải trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL091977 cấp ngày 20/5/2013 đứng tên ông Nguyễn Trọng C và tài sản của Ông C gồm: 01 ngôi nhà cấp 4 rộng 80m², 02 tầng và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 30, tờ bản đồ 24 diện tích 1012m² cho ông Nguyễn Trọng C quản lý.

2. Ông Nguyễn Trọng C phải thanh toán tiền bảo quản di sản cho bà Phạm Thị S số tiền 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ thanh

toán số tiền trên thì ngoài số tiền phải trả, người phải thi hành án còn phải trả lãi cho đến khi thi hành án xong đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 - Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Ông Nguyễn Trọng C phải nộp 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận Ông C đã nộp là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm số: AA/2020/0006800 ngày 09/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T S. Nay Ông C còn phải nộp 3.700.000đ (Ba triệu bảy trăm nghìn đồng).

Bà Phạm Thị S là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về án phí phúc thẩm: Bà Phạm Thị S là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

4. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục THADS huyện T S;
- TAND huyện T S;
- Các đương sự;
- Lưu: HS,VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Tiến Dũng